

Tên: .....

Week: 32

Lớp: S3...

Ngữ pháp HW: .....

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../.../...

Đọc HW: .....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../.../...



## GE3: Unit 8 & 9 - Grammar Revision

### A. THEORY

#### I. GRAMMAR REVISION

❖ **Comparative & Superlative adjectives** (*So sánh hơn & so sánh nhất*)

- **Short adj** là tính từ có **một âm tiết** và **Long adj** là tính từ có từ **2 âm tiết trở lên**.

	Usage	Structure	Example
Comparative	dùng cho 2 đối tượng	S1 + to be + <b>short adj-er</b> + than + S2	Bikes are <b>slower</b> than cars.
		S1 + to be + <b>more</b> + <b>long adj</b> + than + S2	This movie is <b>more exciting</b> than that one.
Superlative	dùng cho 3 đối tượng trở lên	S + to be + <b>the</b> + <b>short adj-est</b> (+ N / in group/ of all...)	She is <b>the tallest</b> in the class.
		S + to be + <b>the most</b> + <b>long adj</b> (+ N/ in group/ of all...)	This is <b>the most beautiful</b> place.

\* Lưu ý:

1. Tính từ hai âm tiết tận cùng bằng **-y, -er, -le, -ow, -et** thì coi là tính từ ngắn.

simple – simpler – simplest

2. Tính từ có đuôi **-y**, chuyển **-y** thành **-i** rồi thêm **-er/-est**.

dirty – dirtier – dirtiest

3. Với tính từ ngắn, nếu trước phụ âm cuối là một nguyên âm (u, e, o, a, i) thì gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm **-er/-est**.

big – bigger – biggest

#### MỘT SỐ TÍNH TỪ SO SÁNH Ở DẠNG ĐẶC BIỆT

No.	Adjective	Comparative	Superlative	Meaning
1	good	better	the best	tốt
2	bad	worse	the worst	tồi tệ
3	little	less	the least	ít
4	much / many	more	the most	nhều
5	far	further / farther	the furthest / the farthest	xa

❖ **“Will” to talk about predictions in the future** (*“Will” dùng để dự đoán tương lai*)

- **Cách dùng:** Dùng để nói về **dự đoán trong tương lai (không chắc chắn 100%)**.

- **Dấu hiệu nhận biết:** thường đi với *in the future, tomorrow, next week, next year, ...*

	Structure	Example
Positive	S + <b>will</b> + V (nguyên mẫu)	It <b>will rain</b> tomorrow.
Negative	S + <b>will not</b> + V (nguyên mẫu)	It <b>won't rain</b> tomorrow.

❖ **Demonstratives “this/ that/ these/ those”** (*Từ chỉ định “this/ that/ these/ those”*)

	near	far
one thing	<b>this</b>	<b>that</b>
two or more things	<b>these</b>	<b>those</b>

#### II. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>crocodile</b> (n)	cá sấu	3	<b>pick sth up</b> (phr)	nhặt, nhắc lên
2	<b>afraid of</b> (phr)	sợ	4	<b>carry</b> (v)	mang, vác

\*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr = phrase: cụm từ; sth = something: cái gì đó.

## B. HOMEWORK

### GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục II. EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở.

II. Read the sentences and circle the correct answers. (Đọc câu và khoanh tròn đáp án đúng.)

1. **Anna:** "Which apples do you want?"  
**Tom:** "..... apples are red. I like them."  
 A. This  
 B. These  
 C. That

2. **Ben:** "Is your bike fast?"  
**Tom:** "Yes, it's ..... my brother's bike."  
 A. faster than  
 B. the fastest  
 C. fast

3. **Lisa:** "Do you think robots will cook dinner?"  
**Nick:** "Yes, I think they ..... cook for us."  
 A. will  
 B. won't be  
 C. did

4. **Mum:** "What do you think the weather will be like tomorrow?"

**Tom:** "It ..... be sunny and warm."  
 A. is  
 B. will  
 C. are

5. **Anna:** "This book is good, but that one is ....."

A. better  
 B. best  
 C. good

6. **Jack:** "Look at ..... apples on the table near us."

A. this  
 B. that  
 C. these

III. Correct the mistakes of the underlined words/phrases. (Sửa lỗi ở từ/cụm từ được gạch chân.)

0. The robot is more smarter than the human. smarter

1. The robot will helping many people in the future. .....

2. I think the humanoid robot is the more intelligent robot. .....




3. The robot is the most powerfulest of all the robots. .....

4. This robots can clean the house quickly. .....

5. There will are many robots in the future. .....

IV. Look at the chart and answer the questions with NO LESS THAN 3 WORDS.

(Nhìn vào bảng và trả lời các câu hỏi với ÍT NHẤT 3 TỪ.)

	Humanoid robot 	RoboBee 	Space arm 
Length	154 cm	3 cm	15 m
Weight	58 kg	80 mg	400 kg
It can	- clean and cook - help people in difficult tasks	- fly - take pictures	- fix space stations

0. Which is the longest robot?

→ The space arm is the longest robot.

1. Which robot is longer, the Humanoid robot or the RoboBee?

→ .....

2. Which is the heaviest robot?  
 → .....
3. Which robot do you think is the most useful?  
 → I think .....
4. What do you think robots will do in the future? (*teach students, do homework, ...*)  
 → I think .....

**CAMBRIDGE READING PRACTICE (5 questions)**

**FLYERS PART 4**

Read the text. Choose the right words and write them in the blanks.

**Crocodiles**



Crocodiles live in rivers (0) in jungles. (1) ..... people are afraid of crocodiles. They eat fish, birds, animals (2) ..... sometimes people! They do not eat very often, but they eat a lot.

Crocodiles have very short legs, but they (3) ..... run quicker than a man. Their teeth are bigger than a small (4) ..... hand.

Crocodiles come from eggs. The mother carries her babies to the water in her mouth. Here they learn to swim. Baby crocodiles (5) ..... not have teeth, so you can pick them up and carry them in your hand!

**Example**

	<i>to</i>	<i>at</i>	<b>in</b>
1	Too	Many	Not
2	and	by	so
3	can	likes	with
4	and	child's	big
5	does	is	do